

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh, bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 (đợt 17)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 03/02/20210 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện 04 Dự án tại Khu đô thị Becamex A thuộc phân khu 07, Khu kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 93/TTr-HĐBT ngày 27/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh, bổ sung cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 17), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp, tài sản trên đất cho một số hộ dân và tổ chức; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là **5.833.721.543 đồng** (Năm tỷ, tám trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường hỗ trợ: 5.708.142.410 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 114.162.848 đồng.
- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 11.416.285 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Giá trị bồi thường, hỗ trợ mồ mã cho 02 hộ dân; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là **110.551.150 đồng** (Một trăm mười triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, một trăm năm mươi đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 108.171.380 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 2.163.428 đồng.
- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 216.343 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của 02 hộ dân đã được phê duyệt tại Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 và Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm giá trị BT, HT, chi phí 2% và chi phí dự phòng cưỡng chế) là: **17.619.280 đồng** (Mười bảy triệu, sáu trăm mười chín nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7), TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 17)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
1	Nguyễn Văn Trát	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	105.592.500
2	Trần Trọng Nghĩa, vợ Huỳnh Thị Thuý	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	56.503.700
3	Trần Thị Phú (chết), con Huỳnh Văn Thắng ĐDKK	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	17.141.950
4	Bùi Văn Oai, vợ Nguyễn Thị Hoa	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	52.164.500
5	Phạm Văn Mạnh, vợ Nguyễn Thị Khế	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	53.291.600
6	Đào Cảnh Nhạn (chết), con Đào Cảnh Huy ĐDKK	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	175.710.000
7	Nguyễn Thị Chử	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	116.694.800
8	Trần Đình Hưng (chết), vợ Phạm Thị Lưới	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	484.252.650
9	Nguyễn Thị Tôn (chết), cháu ĐDKK Kiều Văn Công	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	42.268.500
10	Phạm Thị Phước, chồng Nguyễn Văn Siêm	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	258.451.700
11	Huỳnh Văn Tám, vợ Lê Thị Mỹ Thanh	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	154.798.800

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
12	Võ Thị Nữ	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	68.072.850
13	Nguyễn Văn Thành, vợ Trần Thị Tám	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	207.466.700
14	Trần Năm (chết), con Trần Văn Minh ĐDKK	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	35.847.300
15	Nguyễn Đang (chết), con Nguyễn Thị Thừa ĐDKK	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	101.365.050
16	Trần Thị Mỹ	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	179.200.200
17	Huỳnh Đạm	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	327.338.350
18	Nguyễn Văn Bảy	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	89.834.850
19	Huỳnh Đâu (chết), con Huỳnh Văn Bông ĐDKK	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	70.090.000
20	Trần Văn Tế	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	97.090.950
21	Nguyễn Thị Loan	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	55.632.950
22	Lê Văn Đi, vợ Nguyễn Thị Nghệ	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	60.142.600
23	Nguyễn Văn Minh, vợ Trần Thị Cúc	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	160.753.300
24	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	309.996.700

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
25	Nguyễn Thị Lê	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	958.021.800
26	Phạm Văn Cho	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	84.331.650
27	Trần Ngọc Châu	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	207.555.500
28	Huỳnh Văn Biên	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	111.393.960
29	Nguyễn Thế Liêm, vợ Nguyễn Thị Nữ	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	822.061.300
30	Lê Văn Thường, vợ Nguyễn Thị Thu	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	244.611.600
31	Nguyễn Văn Thành, vợ Đoàn Thị Bảy	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	464.100
32	UBND xã Canh Vinh	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	0
A-	Tổng giá trị BT, HT		5.708.142.410
B-	Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)		114.162.848
C-	Chi phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: (B*10%)		11.416.285
D-	Tổng cộng (A+B+C)		5.833.721.543

Phụ lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 02 HỘ DÂN CÓ MÒ MẢ BỊ
ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ DÂN CƯ HIỆP
VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7),
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 17)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị BT, HT (đồng)
1	Lê Văn Dục	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	105.571.380
2	Cao Tấn, vợ Tô Thị Mỹ	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	2.600.000
I	Tổng giá trị BT,HT		108.171.380
II	Chi phí phục vụ GPMB (2%)		2.163.428
III	Chi phí phục vụ cưỡng chế		216.343
IV	Tổng cộng		110.551.151

Phụ lục số 03

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA 02 HỘ DÂN
BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP
VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7),
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 17)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị điều chỉnh giảm (đồng)	Ghi chú
1	Huỳnh Đến	Thôn Hiệp Vinh 2, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh	9.240.000	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Nguyễn Đình Tuấn, chú Nguyễn Ngọc Thoại ĐDKK	Xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	8.000.000	Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
A-	Giá trị điều chỉnh giảm		17.240.000	
B-	Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)		344.800	
C-	Giảm chi phí dự trù cường chế: (B*10%)		34.480	
D-	Tổng cộng (A+B+C)		17.619.280	

